

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	07 - 35
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	07 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	10
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	11 - 34
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	35

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kim khí KKC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí được thành lập theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị vốn Nhà nước tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xếp dỡ Vật tư thuộc Công ty Kim khí Hải Phòng theo Quyết định số 71/2000/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 số 0200412681 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 12: 52.000.000.000 VND*

*Vốn thực góp tại thời điểm 30/06/2020: 52.000.000.000 VND*

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : 0225 382 6832  
Fax : 0225 382 6832  
Email : Ptramesco@hn.vn  
Mã số thuế : 0 2 0 0 4 1 2 6 8 1

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính giữa niên độ kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

### Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đào Trọng Khôi	Chủ tịch
Ông Đoàn Trung Hà	Ủy viên
Ông Trần Trọng Hải	Ủy viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Đoàn Trung Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/5/2020
Ông Đào Trọng Khôi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/5/2020
Ông Đoàn Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/5/2020

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Vũ Thị Hồng Liên	Trưởng ban	
Bà Bùi Thị Non	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Tương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2020
Bà Phạm Thị Minh Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/4/2020

**Kế toán trưởng**

Bà Mạc Thị Nhung

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

*(theo Giấy ủy quyền số 04/2020-CPUQ ngày 28 tháng 05 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của Công ty)*

**Tổng Giám đốc**



**Đoàn Trung Hà**

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số : 0607.01.01/2020/NVT2-BCTC  
Ngày : 12 tháng 8 năm 2020

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

### **Về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kim khí KKC**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí KKC, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí KKC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí KKC tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Hồ Xuân Hà**

GCNĐKHNKT số: 1603-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139.216.507.886</b>	<b>120.919.845.647</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.067.435.670</b>	<b>6.554.303.299</b>
1. Tiền	111		2.067.435.670	4.054.303.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>7.896.000.000</b>	<b>7.902.400.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.014.063.383	20.014.063.383
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(14.118.063.383)	(12.111.663.383)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.305.594.323</b>	<b>29.804.089.435</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.188.366.340	23.015.449.924
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.111.345	5.047.921.504
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.375.720.512	3.026.544.853
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.286.603.874)	(1.285.826.846)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>85.294.451.203</b>	<b>72.128.575.427</b>
1. Hàng tồn kho	141		86.369.169.045	72.683.410.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.074.717.842)	(554.835.345)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.653.026.690</b>	<b>4.530.477.486</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	33.732.827	125.099.616
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.399.586.863	3.150.887.133
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	3.219.707.000	1.254.490.737
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.880.969.775</b>	<b>12.833.060.433</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.680.438.357</b>	<b>9.673.938.771</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.098.805.737	8.031.081.659
- Nguyên giá	222		34.579.393.683	34.579.393.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.480.587.946)	(26.548.312.024)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.581.632.620	1.642.857.112
- Nguyên giá	228		3.177.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.596.064.692)	(1.534.840.200)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2c	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>200.531.418</b>	<b>159.121.662</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	200.531.418	159.121.662
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>151.097.477.661</b>	<b>133.752.906.080</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.015.194.883</b>	<b>70.546.323.862</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.015.194.883</b>	<b>70.546.323.862</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.666.325.891	4.483.499.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.175.355.386	232.613.325
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	27.285.144	-
4. Phải trả người lao động	314		318.234.830	697.030.303
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	75.119.579
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	101.497.499	92.451.499
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	78.406.920.570	62.360.313.001
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.319.575.563	2.605.296.563
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.082.282.778</b>	<b>63.206.582.218</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>58.082.282.778</b>	<b>63.206.582.218</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.355.609.199	12.479.908.639
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.479.908.639	17.522.777.328
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.124.299.440)	(5.042.868.689)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>151.097.477.661</b>	<b>133.752.906.080</b>

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đoàn Trung Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	148.585.255.913	278.600.736.441
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		148.585.255.913	278.600.736.441
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.711.434.429	271.452.798.762
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.873.821.484	7.147.937.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.043.240.532	1.377.048.905
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.690.835.241	4.168.129.378
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.312.817.783	2.289.499.505
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.106.880.735	2.553.857.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.712.194.055	3.035.554.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(6.592.848.015)	(1.232.555.271)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.468.557.360	915.926.918
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.785	13.000.127
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.468.548.575	902.926.791
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.124.299.440)	(329.628.480)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.124.299.440)	(329.628.480)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.092)	(70)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Mạc Thị Nhung

Mạc Thị Nhung

Đoàn Trung Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		158.692.292.046	221.390.896.334
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(175.107.131.251)	(255.797.546.106)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.072.070.000)	(2.637.953.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.943.243.859)	(2.021.250.029)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.241.452.235	1.801.496.323
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.818.725.584)	(8.801.670.458)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.007.426.413)</b>	<b>(46.066.026.936)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(151.532.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	630.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		897.532.574	3.061.936
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.102.467.426)</b>	<b>481.529.736</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	116.841.698.755	179.122.634.055
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(101.218.608.808)	(133.521.785.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>15.623.089.947</b>	<b>45.600.848.558</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.486.803.892)</b>	<b>16.351.358</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>6.554.303.299</b>	<b>2.524.704.991</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	(63.737)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>2.067.435.670</b>	<b>2.541.056.349</b>

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đoàn Trung Hà

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Khai thác quặng sắt;
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác;
  - Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hoá, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí;
  - Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch khác;
  - Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông - lâm - thủy hải sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông;
  - Sản xuất và chế tạo thiết bị nâng hạ; Sản xuất và kinh doanh thép các loại;
  - Vận tải và đại lý vận tải hàng hoá thủy bộ;
  - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá và phá dỡ tàu cũ;
  - Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền là 23.115 VND/USD.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

#### **b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên).

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 19. Công cụ tài chính

##### a) Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	55.288.705	20.472.855
Tiền gửi ngân hàng	2.012.146.965	4.033.830.444
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.067.435.670</u></b>	<b><u>6.554.303.299</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Là cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên (TLH). Cuối năm, Công ty đang nắm giữ 1.760.000 cổ phiếu có giá trị sổ sách 20.014.063.383 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá thị trường của Cổ phiếu TLH là 3.350 VND/cổ phiếu, giá trị hợp lý của 1.760.000 cổ phiếu Công ty đang nắm giữ là 5.896.000.000 VND. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tổng số tiền: 14.118.063.383 VND.

**b) Đầu tư nắm giữa đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.

**c) Đầu tư tài chính dài hạn**

Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2017. Công ty sở hữu 300 trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm, hình thức: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ, thời hạn 10 năm từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 14 tháng 11 năm 2027.

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TM Đầu tư Thanh Hà	7.094.956.580	-
Công ty TNHH TM ĐT và XD An Thiên Phát	6.248.472.503	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoàng Sơn	2.507.297.416	1.319.246.694
Công ty TNHH XNK Thương mại An Phát	1.895.743.557	-
Công ty TNHH Anh Dũng	1.600.089.836	325.556.010
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	1.594.449.718	1.970.011.017
Công ty TNHH Hưng Hà	180.115.349	2.239.955.449
Công ty TNHH thép Kinh Bắc	100.059.993	3.322.706.391
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng	-	5.101.428.284
Các khách hàng khác	7.967.181.388	8.736.546.079
<b>Cộng</b>	<b><u>29.188.366.340</u></b>	<b><u>23.015.449.924</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Hà	-	5.013.581.389
Công ty TNHH Cơ khí và DVTM Bảo Linh	9.680.000	12.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	18.431.345	19.040.115
Các nhà cung cấp khác	-	3.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>28.111.345</u></b>	<b><u>5.047.921.504</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký cược, ký quỹ	8.327.220.512	-	2.984.157.867	-
Tạm ứng	48.500.000	-	27.000.000	-
Lãi dự thu	-	-	5.136.986	-
BHXH nộp thừa	-	-	10.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.375.720.512</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.026.544.853</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(1.285.826.846)	-	(1.285.826.846)
Trích lập dự phòng bổ sung	(777.028)	-	(777.028)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(1.286.603.874)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(1.286.603.874)</u></b>

Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem phụ lục số 01.

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	118.052.988	-	203.864.827	-
Thành phẩm	2.682.031.809	-	535.263.518	-
Hàng hóa	83.569.084.248	(1.074.717.842)	71.944.282.427	(554.835.345)
<b>Cộng</b>	<b><u>86.369.169.045</u></b>	<b><u>(1.074.717.842)</u></b>	<b><u>72.683.410.772</u></b>	<b><u>(554.835.345)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(554.835.345)
Trích lập dự phòng	(1.074.717.842)
Số hoàn nhập trong năm	554.835.345
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(1.074.717.842)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

##### a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí sử dụng đường bộ	17.112.000	30.258.864
Công cụ dụng cụ	16.620.827	94.840.752
<b>Cộng</b>	<b><u>33.732.827</u></b>	<b><u>125.099.616</u></b>

##### b) Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng đang phân bổ.

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	3.177.697.312
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.177.697.312</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	1.534.840.200
Khấu hao trong năm	61.224.492
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.596.064.692</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.642.857.112
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.581.632.620</u></b>

Tài sản cố định vô hình đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-KKC ngày 08 tháng 7 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	15.783.633.929	4.900.614.639	13.495.258.873	334.703.709	65.182.533	34.579.393.683
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.783.633.929</b>	<b>4.900.614.639</b>	<b>13.495.258.873</b>	<b>334.703.709</b>	<b>65.182.533</b>	<b>34.579.393.683</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.117.559.197	4.367.230.965	6.410.319.984	334.703.709	65.182.533	18.294.996.388
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	10.855.756.139	4.580.584.437	10.712.085.206	334.703.709	65.182.533	26.548.312.024
Khấu hao trong năm	405.617.780	26.669.184	499.988.958	-	-	932.275.922
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.261.373.919</b>	<b>4.607.253.621</b>	<b>11.212.074.164</b>	<b>334.703.709</b>	<b>65.182.533</b>	<b>27.480.587.946</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	4.927.877.790	320.030.202	2.783.173.667	-	-	8.031.081.659
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.522.260.010</b>	<b>293.361.018</b>	<b>2.283.184.709</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.098.805.737</b>

Toàn bộ TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVHM/NHCT168-KKC ngày 08 tháng 7 năm 2019.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Thuận Phong	521.048.153	521.048.153	-	-
Công ty Cổ phần TM Hàng hoá quốc tế IPC	362.885.405	362.885.405	314.001.215	314.001.215
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vision	312.556.721	312.556.721	480.012.144	480.012.144
Công ty cổ phần thép HTS	290.459.959	290.459.959	-	-
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Tuấn Long	262.170.012	262.170.012	8.327.000	8.327.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	254.275.228	254.275.228	254.275.228	254.275.228
Công ty Cổ phần Thương mại Ngũ Phúc	152.648.995	152.648.995	31.623.992	31.623.992
Công ty TNHH TM Đồng Đạt	147.959.973	147.959.973	1.153.336.099	1.153.336.099
Công ty TNHH Thương mại Phú Nam	31.156.062	31.156.062	510.809.723	510.809.723
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam	-	-	485.270.452	485.270.452
Các nhà cung cấp khác	331.165.383	331.165.383	1.245.843.739	1.245.843.739
<b>Cộng</b>	<b>2.666.325.891</b>	<b>2.666.325.891</b>	<b>4.483.499.592</b>	<b>4.483.499.592</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Phà Rừng	5.725.610.905	-
Công ty cổ phần thép Hoàng Minh	1.600.000.000	-
Công ty CP Đóng tàu Vận tải TM Tân Hưng	1.180.000.000	-
Các khách hàng khác	669.744.481	232.613.325
<b>Cộng</b>	<b>9.175.355.386</b>	<b>232.613.325</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.677.346.517	6.677.346.517	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.200.000.000)	-	-	(1.200.000.000)
Thuế thu nhập cá nhân	(54.490.737)	184.125.681	102.349.800	27.285.144
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	20.825.350	2.040.532.350	(2.019.707.000)
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.254.490.737)</b>	<b>6.886.297.548</b>	<b>8.824.228.667</b>	<b>(3.192.421.856)</b>
<i>Trong đó:</i>				
13.a Phải nộp	-	-	-	27.285.144
13.b Phải thu	1.254.490.737	-	-	3.219.707.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*) Số đã nộp trong năm bao gồm số đã nộp bằng tiền 572.026.350 VND và số tiền nộp thừa các năm trước chuyển sang được Công ty ghi tăng thu nhập khác, số tiền 1.468.506.000 VND.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	84.589.759	75.543.759
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.907.740	16.907.740
<b>Cộng</b>	<b>101.497.499</b>	<b>92.451.499</b>

#### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.347.875.051	-	93.150.000	1.254.725.051
Quỹ phúc lợi	1.257.421.512	-	192.571.000	1.064.850.512
<b>Cộng</b>	<b>2.605.296.563</b>	<b>-</b>	<b>285.721.000</b>	<b>2.319.575.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các bên liên quan</i>				
Ông Đoàn Trung Hà (1)	13.767.422.717	13.767.422.717	6.689.605.095	6.689.605.095
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ngô Quyền (2)	64.639.497.853	64.639.497.853	55.670.707.906	55.670.707.906
<b>Cộng</b>	<b>78.406.920.570</b>	<b>78.406.920.570</b>	<b>62.360.313.001</b>	<b>62.360.313.001</b>

(1) Vay ngắn hạn cá nhân theo hợp đồng tín dụng với cá nhân. Các khoản vay này có thời hạn vay dưới 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, kỳ trả lãi theo tháng, lãi suất được quy định rõ trong các hợp đồng vay và nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần lãi suất Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHKKC ngày 08/7/2019 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐDHM/NHCT168-KKC ngày 23/10/2018 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam không vượt quá 80 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 (một) tháng 01 (một) lần. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất và công trình phụ trợ khác tại số 6 Nguyễn Trãi, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền có diện tích là 5.324,7 m<sup>2</sup>, và toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất và các công trình phụ trợ khác tại xã An Hồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng có diện tích là 8.742 m<sup>2</sup> cùng máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, toàn bộ hàng tồn kho và khoản phải thu luân chuyển hình thành từ vốn vay NHCT để đảm bảo cho khoản vay trên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngân hàng như sau:

	Số đầu năm		Số tiền vay phát sinh trong kỳ		Số tiền vay đã trả trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Lãi vay nhập góc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	55.670.707.906	101.531.698.755	-	92.562.908.808	64.639.497.853			
Vay ngắn hạn các cá nhân (là bên liên quan)	6.689.605.095	15.310.000.000	423.517.622	8.655.700.000	13.767.422.717			
<b>Cộng</b>	<b>62.360.313.001</b>	<b>116.841.698.755</b>	<b>423.517.622</b>	<b>101.218.608.808</b>	<b>78.406.920.570</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(7.774.838.245)	1.301.511.824	17.522.777.328	68.249.450.907
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(5.042.868.689)	(5.042.868.689)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>1.301.511.824</b>	<b>12.479.908.639</b>	<b>63.206.582.218</b>
Số dư đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(7.774.838.245)	1.301.511.824	12.479.908.639	63.206.582.218
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(5.124.299.440)	(5.124.299.440)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>1.301.511.824</b>	<b>7.355.609.199</b>	<b>58.082.282.778</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.000.000.000	52.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000
Cổ phiếu quỹ	(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
<b>Cộng</b>	<b>49.425.161.755</b>	<b>49.425.161.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	507.700	507.700
- Cổ phiếu phổ thông	507.700	507.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.692.300	4.692.300
- Cổ phiếu phổ thông	4.692.300	4.692.300

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**18. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>	1.374,60	6.381,69

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	140.646.846.472	268.330.010.444
Doanh thu bán thành phẩm	6.896.173.128	9.013.264.927
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.042.236.313	1.257.461.070
<b>Cộng</b>	<b>148.585.255.913</b>	<b>278.600.736.441</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	139.591.623.435	263.636.494.335
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.599.928.497	8.636.135.359
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	519.882.497	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(819.830.932)
<b>Cộng</b>	<b>146.711.434.429</b>	<b>271.452.798.762</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.395.588	3.061.936
Lãi nhận được từ chia cổ tức	880.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	150.844.944	107.192.685
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.266.794.284
<b>Cộng</b>	<b>1.043.240.532</b>	<b>1.377.048.905</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.312.817.783	2.289.499.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	371.553.721	374.357.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	63.737	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán	2.006.400.000	1.056.000.000
Chi phí mua hàng trả chậm	-	448.272.065
<b>Cộng</b>	<b>4.690.835.241</b>	<b>4.168.129.378</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	869.185.330	1.103.513.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	761.513.975	825.553.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.064.430	622.090.587
Chi phí khác	3.117.000	2.700.000
<b>Cộng</b>	<b>2.106.880.735</b>	<b>2.553.857.843</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.311.495.997	1.587.287.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.553.414	231.778.248
Thuế, phí và lệ phí	24.825.350	274.893.562
Dự phòng phải thu khó đòi	777.028	22.434.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.523.266	913.291.990
Các chi phí khác	5.019.000	5.869.000
<b>Cộng</b>	<b>2.712.194.055</b>	<b>3.035.554.634</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	104.345.154
Hoàn thuế chống bán phá giá năm 2017	-	810.826.781
Tiền thuê đất từ năm 2014 - 2019 được giảm (*)	1.468.506.000	-
Thu nhập khác	51.360	754.983
<b>Cộng</b>	<b>1.468.557.360</b>	<b>915.926.918</b>

(\*) Bao gồm:

- Theo Biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Kim khí KKC và Đội trước bạ & Thu khác - Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An, tiền thuê đất từ năm 2016 - 2019 nộp thừa được chuyển sang năm 2020 do xác định lại đơn giá thuê là 1.186.503.000 VND. Tiền thuê đất phải nộp năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

2020 là 180.612.000 VND được Công ty bù trừ với tiền thuê đất nộp thừa sau đó ghi tăng thu nhập khác, số tiền 1.005.891.000 VND.

- Theo thông báo số 752/TB-CCTKV ngày 16/4/2020 của Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương, tiền thuê đất nộp thừa chuyển sang năm 2020 là 500.259.000 VND. Tiền thuê đất phải nộp năm 2020 là 37.644.000 VND được Công ty bù trừ với tiền thuê đất nộp thừa sau đó ghi tăng thu nhập khác, số tiền 462.615.000 VND.

**8. Chi phí khác**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	-	5.000.000
Xử lý công nợ lâu nhỏ, lẻ	8.785	-
Chi phí khác	-	8.000.127
<b>Cộng</b>	<b>8.785</b>	<b>13.000.127</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.124.299.440)	(329.628.480)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(874.981.000)	10.869.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.019.000	10.869.000
<i>Chi phí không có chứng từ, chi phí khác</i>	<i>5.019.000</i>	<i>5.869.000</i>
<i>Chi phí nộp phạt hành chính</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(880.000.000)	-
<i>Thu nhập nhận được từ cổ tức</i>	<i>(880.000.000)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	(5.999.280.440)	(318.759.480)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.124.299.440)	(329.628.480)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.124.299.440)	(329.628.480)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.692.300	4.692.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.092)</b>	<b>(70)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.692.300	4.692.300
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>4.692.300</b>	<b>4.692.300</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN

### Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn	423.517.622	177.795.476
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	7.465.918.752	11.634.072.109
<b>Cộng</b>	<b>7.889.436.374</b>	<b>11.811.867.585</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Phát sinh trong năm và các khoản công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.18.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp thành viên quản lý chủ chốt	890.982.308	990.180.000
<b>Cộng</b>	<b>890.982.308</b>	<b>990.180.000</b>

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng thép và toàn bộ hoạt động bán hàng diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không thực hiện trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	78.406.920.570	-	-	78.406.920.570
Phải trả người bán	2.666.325.891	-	-	2.666.325.891
Các khoản phải trả khác	419.732.329	-	-	419.732.329
<b>Cộng</b>	<b>81.492.978.790</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>81.492.978.790</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	62.360.313.001	-	-	62.360.313.001
Phải trả người bán	4.483.499.592	-	-	4.483.499.592
Các khoản phải trả khác	864.601.381	-	-	864.601.381
<b>Cộng</b>	<b>67.708.413.974</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.708.413.974</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### C. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.067.435.670	6.554.303.299	2.067.435.670	6.554.303.299
Chứng khoán kinh doanh	7.896.000.000	7.902.400.000	7.896.000.000	7.902.400.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	3.000.000.000	5.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	27.901.762.466	21.729.623.078	27.901.762.466	21.729.623.078
Các khoản phải thu khác	8.375.720.512	3.026.544.853	8.375.720.512	3.026.544.853
<b>Cộng</b>	<b>51.240.918.648</b>	<b>42.212.871.230</b>	<b>51.240.918.648</b>	<b>42.212.871.230</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	78.406.920.570	62.360.313.001	78.406.920.570	62.360.313.001
Phải trả người bán	2.666.325.891	4.483.499.592	2.666.325.891	4.483.499.592
Các khoản phải trả khác	419.732.329	864.601.381	419.732.329	864.601.381
<b>Cộng</b>	<b>81.492.978.790</b>	<b>67.708.413.974</b>	<b>81.492.978.790</b>	<b>67.708.413.974</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu cả năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đoàn Trung Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Mây Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
	Dự phòng		Dự phòng	
Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình	Khó có khả năng thu hồi	110.876.177	Khó có khả năng thu hồi	110.876.177
giao thông 121				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	Khó có khả năng thu hồi	72.045.507	Khó có khả năng thu hồi	72.045.507
số 18.1				
Công ty Cổ phần Xấu dựng và thiết bị	Khó có khả năng thu hồi	12.315.496	Khó có khả năng thu hồi	12.315.496
Hiếu Linh				
Công ty Cổ phần Lisemco 5	Khó có khả năng thu hồi	94.482.975	Khó có khả năng thu hồi	94.482.975
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	Khó có khả năng thu hồi	789.002.100	Khó có khả năng thu hồi	789.002.100
Công ty CP Thép Châu Phong	Khó có khả năng thu hồi	146.318.825	Khó có khả năng thu hồi	146.318.825
Công ty TNHH Đầu tư TM Vận tải	Khó có khả năng thu hồi	840.200	Khó có khả năng thu hồi	840.200
Gia Bảo				
Công ty CP CK và Kết cấu thép Sóc Sơn	Khó có khả năng thu hồi	721.155	Khó có khả năng thu hồi	721.155
Công ty TNHH Ngọc Lâm Phong	Quá hạn trên 3 năm	507.336	Quá hạn trên 3 năm	507.336
Công ty TNHH vận tải Việt Tiến	Quá hạn trên 3 năm	57.127.004	Quá hạn trên 3 năm	57.127.004
Công ty TNHH TM và DV Minh Tiến	Quá hạn 1 - 2 năm	3.180.141	Quá hạn 1 - 2 năm	3.180.141
Công ty TNHH Thương mại Tháng Nguyên	Quá hạn > 6 tháng	470.002		-
<b>Cộng</b>		<b>1.287.886.918</b>	<b>1.286.603.874</b>	<b>1.287.416.916</b>
				<b>1.285.826.846</b>

